

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

TÀI SẢN	Mã	TM	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		198,108,610,876	222,211,508,476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21,835,051,589	42,885,892,479
1. Tiền	111		14,212,457,609	3,896,259,432
2. Các khoản tương đương tiền	112		7,622,593,980	38,989,633,047
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		78,314,164,357	75,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	78,314,164,357	75,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78,696,471,145	89,695,735,182
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	57,959,937,074	86,661,183,493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2,466,156,876	2,168,529,295
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn khác	136	V.5	22,169,152,285	4,449,642,186
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(3,898,775,090)	(3,583,619,792)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	138			
IV. Hàng tồn kho	140		14,993,939,533	10,293,322,445
1. Hàng tồn kho	141	V.7	14,993,939,533	10,293,322,445
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,268,984,252	4,336,558,370
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	331,780,905	543,738,356
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,937,203,347	3,792,820,014
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA
 Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016

Mẫu số B 01 - HN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		390,992,647,785	395,807,802,611
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	211		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		385,177,769,770	389,981,568,706
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	385,177,769,770	389,981,568,706
- Nguyên giá	222		564,815,592,982	559,615,013,271
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(179,637,823,212)	(169,633,444,565)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		311,989,714	311,989,714
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(311,989,714)	(311,989,714)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,822,903,034	1,387,869,199
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1,822,903,034	1,387,869,199
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,991,974,981	4,438,364,706
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3,400,817,541	3,847,207,266
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	591,157,440	591,157,440
3. Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		589,101,258,661	618,019,311,087

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA
 Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - HN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN	Mã	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		111,771,309,351	147,394,615,962
I. Nợ ngắn hạn	310		111,771,309,351	147,394,615,962
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	55,808,808,625	76,581,457,321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3,251,599,491	5,124,760,782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1,312,867,024	3,350,842,276
4. Phải trả người lao động	314		9,110,611,455	20,299,660,783
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	17,191,797,170	16,323,545,133
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.18	22,055,426,504	21,975,710,393
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	20,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1,957,356,402	1,621,299,719
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1,082,842,680	2,097,339,555
13. Quỹ bình ổn giá				
14. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ				
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA
 Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - HN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		477,329,949,310	470,624,695,125
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	477,329,949,310	470,624,695,125
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400,000,000,000	400,000,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400,000,000,000	400,000,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		24,762,484,050	24,762,484,050
9. Quỹ dự phòng tài chính	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52,567,465,260	45,862,211,075
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		45,862,211,075	45,862,211,075
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,705,254,185	
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
E - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		589,101,258,661	618,019,311,087

(0)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Văn Mạnh
 Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
 Phụ trách kế toán



Lê Văn Ngà
 Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 1 NĂM 2016

Mẫu số B 02 - DN

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015	Lũy kế năm 2016	Lũy kế năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	96,106,710,662	167,216,682,086	96,106,710,662	167,216,682,086
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		96,106,710,662	167,216,682,086	96,106,710,662	167,216,682,086
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	86,171,596,771	145,420,245,434	86,171,596,771	145,420,245,434
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,935,113,891	21,796,436,652	9,935,113,891	21,796,436,652
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,485,314,506	41,558,407	1,485,314,506	41,558,407
7. Chi phí tài chính	22		1,299,968	106,760,205	1,299,968	106,760,205
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	4,359,702,971	5,232,217,329	4,359,702,971	5,232,217,329
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,059,425,458	16,499,017,525	7,059,425,458	16,499,017,525
11. Thu nhập khác	31	VI.5	-	4,970,052	-	4,970,052

Báo cáo này phải được đọc đồng thời với thuyết minh Báo cáo tài chính từ trang 17 đến trang 18

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

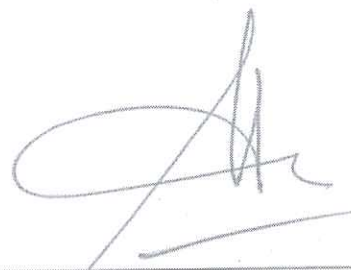
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

12. Chi phí khác	32	-	-	-	-	
13. Lợi nhuận khác	40	-	4,970,052	-	4,970,052	
14. Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết			-	-	-	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7,059,425,458	16,503,987,577	7,059,425,458	16,503,987,577	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL6	354,171,273	826,399,379	354,171,273	826,399,379
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL7	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6,705,254,185	15,677,588,198	6,705,254,185	15,677,588,198	
Phân phối cho:						
- Cổ đông của Tổng công ty						
- Lợi ích của cổ đông thiểu số						
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	70	0	0	0	0	

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Văn Mạnh
Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
Phụ trách kế toán



Lê Văn Nga
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIÁN TIẾP
QUÝ 1 NĂM 2016

Mẫu số B 03 - DN/HN
 ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm nay	Năm trước
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7,059,425,458	16,503,987,577
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	10,004,378,647	7,948,367,629
Các khoản dự phòng	03	315,155,298	219,881,655
Lãi, lỗ thanh lý tài sản cố định	04	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	06	(1,485,314,506)	(65,201,798)
Chi phí lãi vay	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15,893,644,897	24,607,035,063
(Tăng) các khoản phải thu	09	10,539,725,406	(5,480,389,528)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(4,700,617,088)	(342,987,378)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(34,356,249,930)	845,177,651
Tăng, giảm chi phí trích trước	12	658,347,176	200,546,827
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,500,000,000)	(346,244,827)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,014,496,875)	(2,161,100,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15,479,646,414)	17,559,201,609
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3,742,344,625)	(2,574,614,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40,000,000,000)	(610,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	36,685,835,643	
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,485,314,506	65,201,798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5,571,194,476)	(3,119,412,202)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐÀU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ ĐÀU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA
 Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	34		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(21,050,840,890)	14,439,789,407
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	42,885,892,479	14,065,477,429
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	21,835,051,589	28,505,266,836

(0)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Văn Mạnh
Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
Phụ trách Kế toán




Lê Văn Nga
Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 Năm 2016**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn :** Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 430 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 447 người).

2. Hoạt động chính :

- Quản lý, điều hành, kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Kinh doanh các dịch vụ cảng; Logistics
- Vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hoá;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước;
- Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí;
- Chế tạo, sửa chữa và bảo dưỡng cơ khí;
- Cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, đại lý tàu biển;
- Cung cấp dịch vụ thủ tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn, cung cấp dịch vụ hạ thủy; nâng hạ nặng, dịch vụ cẩu.
- Kinh doanh nhiên liệu, xăng dầu, mỡ bôi trơn và các sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh phân đạm và hoá chất phục vụ nông nghiệp./.

3. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

- Năm tài chính của Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính thứ bảy của Doanh nghiệp.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Doanh nghiệp áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Doanh nghiệp sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận : Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị : Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối mỗi tháng.
- Phương pháp hạch toán : Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CAO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận : Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí khác trong kỳ.

- Phương pháp khấu hao : Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định dựa trên thời gian thực tế có thể khai thác và theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay :

- Nguyên tắc ghi nhận : Chi phí đi vay là lãi tiền vay và chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi đáp ứng đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 " Chi phí đi vay". Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ : Trong trường hợp phát sinh khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đi điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh do việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của khoản vay chưa trả trong kỳ. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán bao gồm các khoản chi phí về công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm tài sản,

- Chi phí khác : Là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, ngoại trừ các khoản chi phí đã nêu trên.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại : Lợi thế thương mại được ghi ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nếu có giá trị nhỏ hoặc được phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian hữu dụng ước tính nếu có giá trị lớn. Thời gian sử dụng hữu ích phải phải thể hiện được ước tính đúng đắn về thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Công ty nhưng tối đa không quá 10 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên dự toán chi phí hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Cuối kỳ kế toán năm, các khoản chi phí phải trả phải được quyết toán với chi phí thực tế phát sinh.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Lợi nhuận sau thuế được để lại tại đơn vị.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng : Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính : Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí tài chính là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện, ... Chi phí tài chính được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh và có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.
 - Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.
 - Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác :

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu tài chính trong năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	251,017,082	592,722,428
- Tiền gửi ngân hàng	13,961,440,527	3,303,537,004
- Các khoản tương đương tiền	7,622,593,980	38,989,633,047
Cộng	<u>21,835,051,589</u>	<u>42,885,892,479</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	78,314,164,357	78,314,164,357	75,000,000,000	75,000,000,000
Cộng	<u>78,314,164,357</u>	<u>78,314,164,357</u>	<u>75,000,000,000</u>	<u>75,000,000,000</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BAO CAO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng có số dư trên 10% tổng dư nợ	9,238,155,152	17,898,893,780
- Công ty TNHH TATSUMI Việt Nam	9,238,155,152	17,898,893,780
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	-	8,033,292,199
Phải thu khách hàng khác	18,993,209,875	28,071,251,600
Phải thu khách hàng các bên liên quan	29,728,572,047	40,691,038,113
Các bên liên quan cùng Tổng PTSC	29,388,390,172	40,500,136,468
- Tổng công ty PTSC	14,270,200,214	24,773,825,639
- Công ty Cơ khí Hàng Hải	6,542,847,697	9,177,642,606
- Công ty dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi	2,389,786,934	2,793,102,735
- CN Tổng công ty PTSC - Ban dự án nhiệt điện Long Phú	5,327,555,327	2,897,565,488
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	858,000,000	858,000,000
Các bên liên quan cùng Tập đoàn	340,181,875	190,901,645
- Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	340,181,875	190,901,645
Cộng	57,959,937,074	86,661,183,493

4. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn và Sáng tạo Thương hiệu Sao Kim	19,800,000	19,800,000
Công ty TNHH Tư Vấn Đại Học Xây Dựng	15,795,000	15,795,000
Hệ Kinh doanh Cá thẻ Hoàng Văn Tín	42,872,200	42,782,200
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Chấn Hưng	-	1,033,200,000
Công ty CP Thiết Bị Công Nghiệp Mai Dương	-	359,846,550
CN Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP	-	312,192,932
Công ty TNHH Trục Vớt Vietship Thành Công	245,747,613	245,747,613
Công ty TN HH Khí Công Nghiệp Việt Nhật	68,000,000	68,000,000
Cty CP Thương Mại Tư Vấn & Đầu Tư Xây Dựng Đường Thủy	40,000,000	40,000,000
Công ty TNHH Dịch Vụ TM Vận Tải Thăng Long CONTAINER	90,000,000	31,000,000
Công ty TNHH D&G Miền Bắc	532,104,436	-
Công ty TNHH Bùi Hoàng Gia	531,784,603	-
Công ty Cổ Phần Thép Công Nghiệp Hà Nội	326,081,058	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thiên An	312,955,465	-
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Thiết bị Việt Nam	233,106,500	-
Người bán khác	7,910,001	165,000
Cộng	2,466,156,876	2,168,529,295

5. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền thưởng Tết năm 2010	16,418,453	-	16,418,453	-
- Phải thu Ban giải phóng mặt bằng huyện Tĩnh Gia	20,000,000	-	20,000,000	-
- Phải thu của NLĐ	60,374,676	-	66,622,476	-
- Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	8,305,405,717	-	1,195,750,843	-
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	10,245,717,446	-	579,982,277	-
- CN Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban	-	-	1,833,309,840	-
- Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	140,092,510	-	138,426,755	-
Phải thu Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	1,102,036,606	-	-	-
- Phải thu Công ty Hào hưng Hải Phòng	995,689,150	-	-	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	958,417,727	-	-	-
- Công ty Ben line Agencies	-	-	599,131,542	-
- Phải thu khoản tạm ứng của CBCNV	325,000,000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	22,169,152,285	-	4,449,642,186	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
 BAO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(3,898,775,090)	(3,583,619,792)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến 1 năm	(476,826,374)	(411,931,503)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến 02 năm	(1,517,038,815)	(1,266,778,388)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến 03 năm	(67,125,748)	(67,125,748)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	(1,837,784,153)	(1,837,784,153)
Cộng	(3,898,775,090)	(3,583,619,792)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	1,306,792,196	-	1,362,722,883	-
- Công cụ, dụng cụ	730,077,418	-	892,741,264	-
- Chi phí SX KD dở dang ngắn hạn	12,957,069,919	-	8,037,858,298	-
Cộng	14,993,939,533	-	10,293,322,445	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	Phi bảo hiểm các loại	101,772,927	229,429,721	159,900,603
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	441,965,429	63,387,000	344,873,569	160,478,860
Cộng	543,738,356	292,816,721	504,774,172	331,780,905

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	496,598,356,153	48,231,229,167	9,567,455,931	2,977,543,158	2,240,428,862	559,615,013,271
Tăng trong kỳ	-	5,148,146,817	-	-	52,432,894	5,200,579,711
- Nhận từ PTSC	-	-	-	-	-	-
- Mua sắm mới	-	5,148,146,817	-	0	52,432,894	5,200,579,711
- Đầu tư XD hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Điều chuyển tài sản nội bộ Tổng Công ty	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2016	496,598,356,153	53,379,375,984	9,567,455,931	2,977,543,158	2,292,861,756	564,815,592,982
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4,787,724,995	1,826,755,127	1,439,943,203	742,442,430	50,000,000	8,846,865,755
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	143,377,132,516	19,165,345,789	4,082,868,046	1,834,873,346	1,173,224,868	169,633,444,565
Tăng trong kỳ	8,401,594,178	1,047,528,285	332,885,757	182,710,274	39,660,153	10,004,378,647
- Khấu hao trong kỳ	8,401,594,178	1,047,528,285	332,885,757	182,710,274	39,660,153	10,004,378,647
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2016	151,778,726,694	20,212,874,074	4,415,753,803	2,017,583,620	1,212,885,021	179,637,823,212
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	353,221,223,637	29,065,883,378	5,484,587,885	1,142,669,812	1,067,203,994	389,981,568,706
Số cuối kỳ	344,819,629,459	33,166,501,910	5,151,702,128	959,959,538	1,079,976,735	385,177,769,770

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
 BAO CAO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bảng phát minh sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Số đầu kỳ	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2016	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	311,989,714	-
Số đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế đến 31/03/2016	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
Số đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	1,822,903,034	1,387,869,199
- Dự án nhà công vụ phục mở rộng Cảng Nghi Sơn	35,164,242	35,164,242
- Công trình nhà sơn di động	929,167,241	853,599,059
- Công trình Bến nổi dài bến số 2	208,196,807	126,378,625
- Công trình nâng cấp công Cảng	650,374,744	372,727,273
Cộng	1,822,903,034	1,387,869,199

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Chi phí cần phân bổ	3,847,207,266	363,874,091	810,263,816	3,400,817,541
Cộng	3,847,207,266	363,874,091	810,263,816	3,400,817,541

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	11,823,148,802
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	591,157,440

14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số khả năng trả nợ	Giá trị	Số khả năng trả nợ
Phải trả khách hàng có số dư trên 10% trên tổng nợ phải trả	8,721,921,138	8,721,921,138	22,651,733,308	22,651,733,308
- Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại VINCOMAT	8,721,921,138	8,721,921,138	15,034,963,093	15,034,963,093
- Công ty Cổ phần Cung cấp Dịch vụ Phương tiện nổi F.V.S	-	-	7,616,770,215	7,616,770,215
Phải trả cho khách hàng khác	41,367,167,017	41,367,167,017	48,800,815,524	48,800,815,524
Phải trả người bán các bên liên quan	5,719,720,470	5,719,720,470	5,128,908,489	5,043,834,543
Các bên liên quan cùng Tổng PTSC	532,379,545	532,379,545	549,827,309	549,827,309
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	482,796,685	482,796,685	482,796,685	482,796,685
- Khách sạn dầu khí	-	-	2,968,349	2,968,349
- Cty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí VN - CN Nghi Sơn	49,582,860	49,582,860	64,062,275	64,062,275
Các bên liên quan cùng Tập đoàn	5,187,340,925	5,187,340,925	4,579,081,180	4,494,007,234
- Công ty CP Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	4,008,583,058	4,008,583,058	4,493,860,634	4,493,860,634
- Công ty Cổ phần Khách Sạn Lam Kinh	-	-	85,073,946	-
- CN Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tạ	1,178,611,867	1,178,611,867	-	-
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	146,000	146,000	146,600	146,600
Cộng	55,808,808,625	55,808,808,625	76,581,457,321	76,496,383,375

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nova Carriers (Singapore) Pte. Ltd	174,210,521	1,571,681,099
Công ty Hyundai Heavy Industries Co.,LTD Hàn Quốc TP TH GTP	887,112,486	887,112,486
Công ty TNHH Thoresen Vinama	-	586,999,997
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Hà Thanh	521,750,056	521,750,056
SINOSHIPPING LOGISTICS (KH)	350,738,550	350,738,550
Công ty Cổ Phần LILAMA 18	249,915,587	249,915,587
Công ty TNHH Thương Mại Hà Vĩnh	-	200,000,000
Công ty CP thi công cơ giới và Dịch vụ	150,000,000	150,000,000
TRELLEBORG MARINE SYSTEMS MELBOURNE PTY.Ltd.	111,649,974	111,649,974
Công ty Cổ Phần Hàng Hải MACS	104,942,357	104,942,357
Công ty TNHH Hào Hưng Quảng Bình	84,604,992	-
Công ty TNHH vận tải Đa phương thức AVT	307,696,085	-
ZHONGXIN SHIPPING PTE.LTD	64,600,862	-
Công ty Vận Tải Biển VINALINES	62,089,067	-
BEMA INTERNATIONAL PTE LTD	38,192,593	-
Người mua khác	144,096,361	389,970,676
Cộng	3,251,599,491	5,124,760,782

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
-Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,246,506,588	354,171,273	2,500,000,000	1,100,677,861
-Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
-Thuế thu nhập cá nhân	104,335,688	285,301,544	177,448,069	212,189,163
-Tiền thuế đất	-	-	-	-
-Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
Cộng	3,350,842,276	642,472,817	2,680,448,069	1,312,867,024

Thuế giá trị gia tăng

Doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng loại dịch vụ phù hợp theo qui định.

Thuế xuất, nhập khẩu

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập cá nhân

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo qui định.

Thuế nhà thầu

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo qui định.

Các loại thuế khác

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí kiểm toán	-	101,000,000
- Chi phí phải trả khác	10,000,000,000	10,000,000,000
- Trích trước chi phí lương phải trả	2,388,823,198	-
- Chi phí phải trả về các dịch vụ mua ngoài	4,802,973,972	6,222,545,133
Cộng	17,191,797,170	16,323,545,133

18. Phải trả nội bộ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả Tổng công ty về tài sản	21,975,710,393	20,906,619,575
- Phải trả công nợ phát sinh trong kỳ	79,716,111	1,069,090,818
Cộng	22,055,426,504	21,975,710,393

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	580,917,248	281,200,414
- Phải trả về ăn ca và các khoản khác tháng 3/2016 cho cán bộ CBNV	315,334,077	322,990,377
- Công đoàn Tổng công ty	-	85,136,750
- BHXH huyện Tĩnh Gia	494,196,103	5,535,553
- Đảng bộ Công ty CP Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Tổng Hợp PTSC Thanh Hóa	62,374,869	32,914,832
- Phải trả khác	504,554,104	893,521,792
Cộng	1,957,376,401	1,621,299,718

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng do TCT cấp	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,097,339,555	-	-	1,014,496,875	1,082,842,680
Cộng	2,097,339,555	-	-	1,014,496,875	1,082,842,680

21. Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính : triệu đồng

Khoản mục	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	400,000	-	573	9,172	17,668	427,413
Tăng trong năm	-	-	-	15,590	45,862	61,452
Lãi trong năm nay					45,862	45,862
Phân phối lợi nhuận				15,017		15,017
Tăng khác				573		573
Giảm trong năm	-	-	573	-	17,668	18,241
Chia cổ tức					17,668	17,668
Trích lập các quỹ			573			573
Số dư tại 31/12/2015	400,000	-	-	24,762	45,862	470,624
Số dư tại 01/01/2016	400,000	-	-	24,762	45,862	470,624
Tăng trong năm	-	-	-	-	6,705	6,705
Lãi trong năm nay					6,705	6,705
Phân phối lợi nhuận					-	-
Tăng khác					-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức					-	-
Trích lập các quỹ					-	-
Giảm khác					-	-
Số dư tại 31/03/2016	400,000	-	-	24,762	52,567	477,329

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	400,000,000,000	400,000,000,000
Trong đó :	400,000,000,000	400,000,000,000
+ Vốn góp của PTSC	218,773,000,000	218,773,000,000
+ Vốn góp của PVFC Capital	175,000,000,000	175,000,000,000
+ Vốn góp của đối tượng khác	6,227,000,000	6,227,000,000
Cộng	400,000,000,000	400,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400,000,000,000	400,000,000,000
Vốn góp tại ngày 01/03/2016	400,000,000,000	400,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/03/2016	400,000,000,000	400,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40,000,000	40,000,000
Cổ phiếu phổ thông	40,000,000	40,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000đ/cp	10.000đ/cp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BAO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	96,106,710,662	167,216,682,086
Doanh thu bán hàng	518,473,893	30,377,446,146
Doanh thu cung cấp dịch vụ	95,588,236,769	136,839,235,940
Trong đó:		
- Dịch vụ cảng	19,323,662,578	50,174,743,845
- Dịch vụ công cơ khí	39,220,208,575	35,495,324,961
- Dịch vụ Logistics	34,448,578,311	41,536,643,312
- Dịch vụ khác	2,595,787,305	9,632,523,822
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	96,106,710,662	167,216,682,086
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>96,106,710,662</i>	<i>167,216,682,086</i>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	513,525,639	29,944,833,496
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	85,658,071,133	115,475,411,938
Trong đó:		
- Dịch vụ cảng	14,374,876,465	37,453,828,159
- Dịch vụ Logistics	32,257,495,029	35,434,977,693
- Dịch vụ công cơ khí	36,280,359,105	33,218,596,210
- Dịch vụ khác	2,745,340,534	9,368,009,876
Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá HTK	-	-
Cộng	86,171,596,772	145,420,245,434

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	1,485,314,506	41,103,593
- Lãi CLTG đã thực hiện	-	454,814
Cộng	1,485,314,506	41,558,407

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	1,037,899,907	2,359,631,913
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	726,778,397	646,691,007
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	372,007,262	272,938,995
- Chi phí dự phòng	315,155,298	219,881,655
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	503,446,559	608,596,279
- Chi phí khác	1,404,415,548	1,124,477,480
Cộng	4,359,702,971	5,232,217,329

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu từ bồi thường bảo hiểm	-	-
- Thu nhập khác	-	4,970,052
Cộng	-	4,970,052

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thuế TNDN	1,533,910,753	3,636,157,267
- Thuế TNDN được miễn, giảm	1,185,294,673	2,809,757,888
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	348,616,080	826,399,379
Tổng chi phí thuế TNDN	348,616,080	826,399,379

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BAO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14,029,466,959	39,221,275,334
- Chi phí nhân công	13,961,330,601	25,068,564,099
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10,004,378,647	7,948,367,629
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	58,704,003,359	75,149,308,233
- Chi phí khác	4,931,169,071	2,141,696,693
Cộng	101,630,348,637	149,529,211,988

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số dư với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải trả khác	22,055,426,504	21,975,710,393
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	22,055,426,504	21,975,710,393
Phải thu khác	19,653,159,769	15,515,603,897
Công ty Cơ khí Hàng hải PTSC&MC	8,305,405,717	3,999,000,170
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	10,245,717,446	11,516,603,727
Phải thu Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	1,102,036,606	-

2. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty chia làm năm bộ phận kinh doanh với các hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Cung cấp dịch vụ căn cứ Cảng	Cung cấp dịch vụ căn cứ Cảng và các dịch vụ có liên quan
Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	Kinh doanh nhiên liệu phục vụ cho các nhà thầu thực hiện thi công nhà máy lọc dầu Nghi Sơn
Dịch vụ cơ khí	Dịch vụ cơ khí phục vụ một số dự án thi công nhà máy lọc dầu Nghi Sơn
Dịch vụ Logistics	Dịch vụ Logistics thực hiện chuỗi từ thông quan, vận chuyển trên bờ cho các thiết bị của nhà máy lọc dầu
Cung cấp các dịch vụ khác	Cung cấp dịch vụ khác

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Khoản mục	Dịch vụ Căn cứ Cảng	Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	Dịch vụ cơ khí	Dịch vụ Logistics	Dịch vụ khác	Cộng
Tài sản	575,454,994,354	-	13,646,264,307	-	-	589,101,258,661
Tài sản bộ phận	575,454,994,354	-	13,646,264,307	-	-	589,101,258,661
Lãi từ Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả	71,607,930,247	-	17,776,372,598	22,387,006,506	-	111,771,309,351
Nợ phải trả bộ phận	71,607,930,247	-	17,776,372,598	22,387,006,506	-	111,771,309,351

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Doanh thu	Dịch vụ Căn cứ Cảng	Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	Dịch vụ cơ khí	Dịch vụ Logistics	Dịch vụ khác	Cộng
DT thuần từ bán hàng ra bên ngoài	19,323,662,578	518,473,893	39,220,208,575	34,448,578,311	2,595,787,305	96,106,710,662
DT thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	19,323,662,578	518,473,893	39,220,208,575	34,448,578,311	2,595,787,305	96,106,710,662
Lợi nhuận gộp bộ phận	4,948,786,113	4,948,254	2,939,849,470	2,191,083,282	(149,553,229)	9,935,113,890
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	2,171,614,514	2,171,381	1,290,057,730	895,859,347	-	4,359,702,971
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	1,484,014,538	-	-	-	-	1,484,014,538
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,777,171,599	2,776,873	1,649,791,740	1,295,223,935	(149,553,229)	5,575,410,919
Lợi nhuận từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	4,261,186,137	2,776,873	1,649,791,740	1,295,223,935	(149,553,229)	7,059,425,457
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	213,783,647	139,316	82,770,028	64,981,366	(7,503,083)	354,171,273
Lợi nhuận trong năm	4,047,402,490	2,637,557	1,567,021,713	1,230,242,569	(142,050,146)	6,705,254,184

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ
 Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

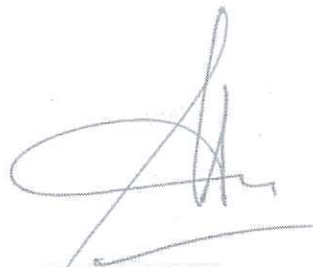
3. Thông tin so sánh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	33.63	35.96
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	66.37	64.04
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	18.97	23.85
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	81.03	76.15
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.77	1.51
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.64	1.44
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	7.35	9.87
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6.98	9.38
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1.20	3.00
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	1.40	3.54

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Văn Mạnh
 Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
 Phụ trách kế toán



Lê Văn Ngà
 Giám đốc